

**Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Đầu tư
Chứng khoán I.P.A**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025



**Shape the future
with confidence**

**Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Đầu tư
Chứng khoán I.P.A**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8 - 9
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ	10
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	11 - 36

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A ("Công ty") là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 1 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 07 năm 2021, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 4 cấp ngày 20 tháng 01 năm 2025 và Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 30/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 04 tháng 03 năm 2008, và theo các giấy phép điều chỉnh sau:

<u>Giấy phép Thành lập và Hoạt động điều chỉnh số</u>	<u>Ngày</u>
02/GPĐC-UBCK	Ngày 08 tháng 03 năm 2017
22/GPĐC-UBCK	Ngày 11 tháng 04 năm 2019
12/GPĐC-UBCK	Ngày 05 tháng 03 năm 2024

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 100 tỷ đồng Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 100 tỷ đồng Việt Nam).

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ hiện tại là quản lý quỹ, quản lý danh mục đầu tư và tư vấn đầu tư. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty đang quản lý năm (05) quỹ, bao gồm Quỹ Đầu tư Chủ động VND (VNDAF), Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND (VNDBF), Quỹ Đầu tư Trái phiếu linh hoạt VND (VNDCF); Quỹ ETF IPAAM VN100 (IPAAM VN100) và Quỹ đầu tư thành viên IPA. Bên cạnh đó, trong kỳ, Công ty cũng cung cấp dịch vụ quản lý danh mục đầu tư chứng khoán cho cho một số tổ chức, cá nhân trong nước.

Công ty có Trụ sở chính đặt tại số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

CHỦ TỊCH CÔNG TY

Bà Phạm Minh Hương được bổ nhiệm làm Chủ tịch Công ty theo Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ số 12/GPĐC-UBCK ngày 05 tháng 03 năm 2024 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Bà Phạm Minh Hương	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 07 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Thúy Lan	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 07 năm 2021

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này là Bà Phạm Minh Hương - Chức danh: Chủ tịch Công ty kiêm Tổng Giám Đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ của Công ty. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Bà Phạm Minh Hương
Chủ tịch
kiêm Tổng Giám Đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 08 năm 2025

02
TY
H
YOU
NAM
5C



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 12857310/E-69105446/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Chủ sở hữu**
Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A ("Công ty") được lập ngày 14 tháng 08 năm 2025 và được trình bày từ trang 5 đến trang 36, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

21.11.2025
VG
MINH



Shape the future
with confidence

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam


Đặng Phương Hà
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 2400.2023-004-1



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 08 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 06 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
	TÀI SẢN			
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		149.633.289.560	143.643.056.235
110	I. Tiền và tương đương tiền	5	38.926.487.852	15.492.441.235
111	1. Tiền		1.829.220.803	299.815.139
112	2. Các khoản tương đương tiền		37.097.267.049	15.192.626.096
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	6	102.466.824.788	96.973.184.864
121	1. Đầu tư ngắn hạn		105.042.659.788	99.173.579.036
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(2.575.835.000)	(2.200.394.172)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		8.205.954.389	31.148.259.997
131	1. Phải thu khách hàng	7	4.635.000.000	-
134	2. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	8	1.922.741.126	28.768.650.279
135	3. Các khoản phải thu khác	9	1.668.213.263	2.399.609.718
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(20.000.000)	(20.000.000)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		34.022.531	29.170.139
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	34.022.531	29.170.139
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		115.725.250	2.787.352.875
250	I. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	11	102.000.000	2.295.847.031
258	1. Đầu tư dài hạn khác		102.000.000	4.600.000.000
259	2. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		-	(2.304.152.969)
260	II. Tài sản dài hạn khác		13.725.250	491.505.844
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		3.725.250	20.675.250
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	27.3	-	460.830.594
268	3. Tài sản dài hạn khác	12	10.000.000	10.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		149.749.014.810	146.430.409.110
	NGUỒN VỐN			
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		4.227.538.002	14.220.875.268
310	I. Nợ ngắn hạn		3.930.613.345	13.802.126.293
312	1. Phải trả người bán	13	493.389.460	70.614.227
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	3.123.997.886	9.051.168.519
316	3. Chi phí phải trả	15	86.400.000	146.692.985
319	4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	16	226.825.999	4.533.650.562
330	II. Nợ dài hạn		296.924.657	418.748.975
335	1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	27.3	296.924.657	418.748.975
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	17	145.521.476.808	132.209.533.842
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		100.000.000.000	100.000.000.000
419	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.916.896.584	1.916.896.584
420	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		43.604.580.224	30.292.637.258
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		149.749.014.810	146.430.409.110

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 06 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
6	1. Chứng khoán lưu ký của Công ty Quản lý Quỹ	18	89.610.794.400	92.592.044.400
	Trong đó:			
7	1.1. Chứng khoán giao dịch		89.610.794.400	92.592.044.400
11	1.2. Chứng khoán chờ thanh toán		-	-
20	2. Chứng khoán chưa lưu ký của Công ty Quản lý quỹ		-	4.500.000.000
30	3. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	19	1.351.426	849.565
31	3.1. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước		1.351.426	849.565
40	4. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	20	5.322.989.310.813	5.563.142.852.175
41	4.1. Nhà đầu tư ủy thác trong nước		5.322.989.310.813	5.563.142.852.175
50	5. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác		-	-
51	6. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	21	1.054.518.153	27.923.530.060

Người lập biểu



Bà Nguyễn Thị Thúy Lan
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt



Bà Phạm Minh Hương
Chủ tịch
kiểm Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 08 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024
1	1. Doanh thu		13.015.967.446	4.851.114.543
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	22	13.015.967.446	4.851.114.543
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	23	3.390.686.590	5.825.078.765
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		9.625.280.856	(973.964.222)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	6.616.414.016	20.375.011.873
22	7. Chi phí hoạt động tài chính	25	(1.875.914.669)	1.464.658.792
25	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	1.173.930.834	2.535.127.722
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		16.943.678.707	15.401.261.137
31	10. Thu nhập khác		-	-
32	11. Chi phí khác		260.000.000	-
40	12. Lợi nhuận khác		(260.000.000)	-
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		16.683.678.707	15.401.261.137
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.2	3.032.729.465	3.176.892.375
52	15. Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	27.3	339.006.276	(107.610.148)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		13.311.942.966	12.331.978.910

Người lập biểu



Bà Nguyễn Thị Thúy Lan
Kế toán Trưởng



Người phê duyệt

Bà Phạm Minh Hương
Chủ tịch
kiêm Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 08 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1	1. (Lỗ)/lợi nhuận trước thuế		16.683.678.707	15.401.261.137
	2. Điều chỉnh cho các khoản		(4.257.569.523)	(1.942.995.563)
3	- Các khoản chi phí/(hoàn nhập) dự phòng		(1.928.712.141)	1.237.610.000
5	- Lãi từ hoạt động đầu tư		(2.328.857.382)	(3.180.605.563)
8	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		12.426.109.184	13.458.265.574
9	- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu		26.968.184.020	(4.204.036.048)
10	- Giảm/(Tăng) hàng tồn kho (chứng khoán kinh doanh)		(5.869.080.752)	5.068.161.356
11	- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(4.044.695.388)	485.391.305
12	- Giảm/(tăng) chi phí trả trước		12.097.608	57.131.962
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(8.859.547.025)	(165.753.704)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		20.633.067.647	14.699.160.445
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
23	1. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(18.456.642.000)
24	2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	6.925.152.000
25	3. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác		(102.000.000)	
26	4. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.902.978.970	3.663.806.301
30	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư		2.800.978.970	(7.867.683.699)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		-	-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		23.434.046.617	6.831.476.746
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	5	15.492.441.235	6.682.572.682
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	5	38.926.487.852	13.514.049.428

Người lập biểu



Bà Nguyễn Thị Thủy Lan
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt



Bà Phạm Minh Hương
Chủ tịch
kiêm Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 08 năm 2025

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

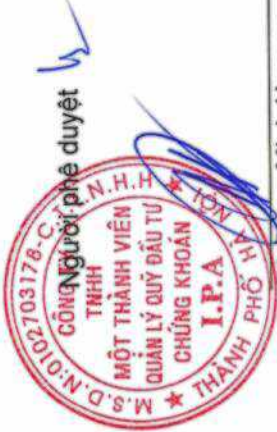
CHỈ TIÊU		Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
				Kỳ trước		Kỳ này			
Thuyết minh	Ngày 1 tháng 1 năm 2024	Ngày 1 tháng 1 năm 2025	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	17	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-	-	-	100.000.000.000	100.000.000.000
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	17	1.916.896.584	1.916.896.584	-	-	-	-	1.916.896.584	1.916.896.584
4. Lợi nhuận chưa phân phối	17	5.618.492.047	30.292.637.258	12.331.978.910	-	13.311.942.966	-	17.950.470.957	43.604.580.224
Tổng cộng		107.535.388.631	132.209.533.842	12.331.978.910	-	13.311.942.966	-	119.867.367.541	145.521.476.808

Đơn vị tính: VND

Người lập biểu



Bà Nguyễn Thị Thúy Lan
Kế toán Trưởng



Bà Phạm Minh Hương
Chủ tịch
Kiểm Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 08 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A ("Công ty") là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 1 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 07 năm 2021, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 4 cấp ngày 20 tháng 01 năm 2025 và Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 30/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 04 tháng 03 năm 2008, và theo các giấy phép điều chỉnh sau:

<u>Giấy phép Thành lập và Hoạt động điều chỉnh số</u>	<u>Ngày</u>
02/GPĐC-UBCK	Ngày 08 tháng 03 năm 2017
22/GPĐC-UBCK	Ngày 11 tháng 04 năm 2019
12/GPĐC-UBCK	Ngày 05 tháng 03 năm 2024

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 100 tỷ đồng Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 100 tỷ đồng Việt Nam).

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ hiện tại là quản lý quỹ, quản lý danh mục đầu tư và tư vấn đầu tư. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty đang quản lý năm (05) quỹ, bao gồm Quỹ Đầu tư Chủ động VND (VNDAF), Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND (VNDBF), Quỹ Đầu tư Trái phiếu linh hoạt VND (VNDCF); Quỹ ETF IPAAM VN100 (IPAAM VN100) và Quỹ đầu tư thành viên IPA. Bên cạnh đó, trong kỳ, Công ty cũng cung cấp dịch vụ quản lý danh mục đầu tư chứng khoán cho cho một số tổ chức, cá nhân trong nước.

Công ty có Trụ sở chính đặt tại số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 18 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 18 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ban hành ngày 05 tháng 09 năm 2011 của Bộ Tài chính và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Công ty cũng lập các báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 hàng năm.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Các báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ban hành ngày 05 tháng 09 năm 2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán

Các chính sách của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 và báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày gửi, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3 Các khoản đầu tư

Chứng khoán tự doanh và các khoản đầu tư khác

Chứng khoán tự doanh bao gồm các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán. Chứng khoán tự doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Các khoản đầu tư khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân loại thành đầu tư ngắn hạn và đầu tư dài hạn. Đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại bằng hoặc dưới mười hai (12) tháng, ngoại trừ phần tiền gửi có kỳ hạn bằng hoặc dưới ba (3) tháng đã bao gồm trong Tiền và các khoản tương đương tiền, và các khoản đầu tư vào trái phiếu chính phủ được nắm giữ với mục đích để bán trong vòng trên ba (3) tháng đến mười hai (12) tháng. Đầu tư dài hạn bao gồm trái phiếu chính phủ, các khoản cho vay, tiền gửi và các khoản đầu tư dài hạn khác có kỳ hạn còn lại trên mười hai (12) tháng.

Các chứng khoán tự doanh và các khoản đầu tư khác được tiếp tục phản ánh theo giá gốc trong các kỳ kế toán tiếp theo và được lập dự phòng giảm giá nếu giá gốc cao hơn giá thị trường có thể xác định được. Các khoản cổ tức và trái tức nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng Công ty thu thập được các bằng chứng xác định tổ chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được Công ty yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được Công ty khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trong kỳ.

Mức trích lập dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

4.5 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.6 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc giai đoạn tài chính.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.6 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc giai đoạn tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc giai đoạn tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc giai đoạn tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc giai đoạn tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.7 *Vốn nhận ủy thác và tài sản ủy thác*

Vốn nhận ủy thác và tài sản ủy thác hình thành từ việc sử dụng vốn nhận ủy thác từ các nhà đầu tư được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán của Công ty.

Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác phát sinh từ các khoản đầu tư ủy thác như: khoản lãi của khoản đầu tư ủy thác đã đến kỳ thu nhưng chưa thu được, các quyền lợi khác mà nhà đầu tư ủy thác được hưởng và các khoản phải thu khác được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán của Công ty.

Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác như các khoản phí phải trả cho Công ty và các khoản phải trả khác được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán của Công ty.

4.8 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu từ phí quản lý quỹ, phí quản lý danh mục đầu tư ủy thác và phí thường hoạt động được ghi nhận theo các điều khoản của hợp đồng quản lý quỹ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức bằng tiền nhận được từ hoạt động đầu tư được ghi nhận là thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Công ty mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu nắm giữ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.9 Lợi ích nhân viên

Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Thông tư 28/2015/TT-BLĐTBXH Hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 03 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

4.10 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động riêng theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

4.11 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ này theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 là các khoản mục không có số dư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Tiền	1.829.220.803	299.815.139
Tiền gửi không kỳ hạn	1.829.220.803	299.815.139
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	77.299.060	106.667.516
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	1.751.841.441	67.401.791
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Hội sở	80.302	125.745.832
Các khoản tương đương tiền	37.097.267.049	15.192.626.096
- Tiền gửi giao dịch chứng khoán tại Công ty Cổ phần chứng khoán VNDirect	37.097.267.049	10.192.626.096
- Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	-	5.000.000.000
Tổng cộng	38.926.487.852	15.492.441.235

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Đầu tư ngắn hạn (i)	105.042.659.788	99.173.579.036
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (ii)	(2.575.835.000)	(2.200.394.172)
Tổng cộng	102.466.824.788	96.973.184.864

(i) Chi tiết đầu tư chứng khoán ngắn hạn bao gồm:

	Đơn vị tính: VND			
	Ngày 30 tháng 06 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Đầu tư ngắn hạn				
Cổ phiếu niêm yết	1.000.000	18.937.500.000	8.225	160.376.287
Cổ phiếu chưa niêm yết	500.000	6.100.000.000	500.000	6.100.000.000
Trái phiếu niêm yết	360.000	36.005.160.000	488.990	48.913.202.961
Chứng chỉ quỹ	3.861.079	39.999.999.788	3.861.079	39.999.999.788
Chứng chỉ tiền gửi	4.000	4.000.000.000	4.000	4.000.000.000
	5.725.079	105.042.659.788	4.862.294	99.173.579.036
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	(2.575.835.000)	-	(2.200.394.172)
Tổng cộng	5.725.079	102.466.824.788	4.862.294	96.973.184.864

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (tiếp theo)

(i) Chi tiết đầu tư chứng khoán ngắn hạn bao gồm: (tiếp theo)

Trong đó các cổ phiếu bị giảm giá:

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND
Cổ phiếu niêm yết	1.000.000	18.937.500.000	48	3.662.972
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (mã cổ phiếu: VPB)	1.000.000	18.937.500.000	-	-
- Tổng Công ty Khí Việt Nam – CTCP (mã cổ phiếu: GAS)	-	-	48	3.662.972
Cổ phiếu chưa niêm yết	500.000	6.100.000.000	500.000	6.100.000.000
- Công ty CP Tập đoàn Cienco4 (mã cổ phiếu: C4G)	500.000	6.100.000.000	500.000	6.100.000.000
Tổng cộng	1.500.000	25.037.500.000	500.048	6.103.662.972

(ii) Biến động dự phòng trong kỳ như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Số đầu kỳ	2.200.394.172	-
Trích lập trong kỳ	3.637.500.000	2.597.864.995
Hoàn nhập trong kỳ	(3.262.059.172)	(397.470.823)
Số cuối kỳ	2.575.835.000	2.200.394.172

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phải thu hoạt động chuyển nhượng cổ phần	4.635.000.000	-
Tổng cộng	4.635.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phải thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (i)	912.840.071	905.506.610
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư (ii)	1.009.901.055	16.879.340.669
Phải thu phí thưởng hoạt động (ii)	-	10.983.803.000
Tổng cộng	1.922.741.126	28.768.650.279

- (i) Theo quy định tại Điều lệ Quỹ của các quỹ đầu tư được quản lý bởi Công ty, Công ty sẽ được hưởng phí quản lý như sau:

Quỹ được quản lý	Tỷ lệ phí quản lý quỹ/năm
Quỹ Đầu tư Chủ động VND (VNDAF)	1,50%
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND (VNDBF)	1,10%
Quỹ Đầu tư Trái phiếu linh hoạt VND (VND CF)	0,90%
Quỹ ETF IPAAM VN100 (IPAAM VN100)	0,60%
Quỹ Đầu tư Thành viên IPA (IPAMF)	0,50%

Theo đó, phí quản lý Quỹ được tính vào mỗi kỳ định giá và thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ. Tỷ lệ phí có thể thay đổi khi được Đại hội Nhà Đầu tư phê duyệt.

- (ii) Theo các hợp đồng ủy thác đầu tư, Công ty được hưởng tỷ lệ phí quản lý không quá 2% trên giá trị tài sản ròng hoặc giá trị giao dịch thành công. Ngoài ra, Công ty được hưởng phí thưởng khi Danh mục vượt ngưỡng lợi nhuận kỳ vọng quy định cụ thể trong hợp đồng quản lý Danh mục đầu tư.

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phải thu từ cổ tức	20.000.000	20.000.000
Phải thu từ trái tức	1.269.719.179	2.025.624.328
Phải thu lãi tiền gửi	214.904.109	68.120.548
Tạm ứng cho người lao động	-	105.561.200
Các khoản phải thu khác	163.589.975	180.303.642
Tổng cộng	1.668.213.263	2.399.609.718

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Chi phí mua bảo hiểm AON - PTI	7.292.531	29.170.139
Chi phí phần mềm lấy dữ liệu	26.730.000	-
Tổng cộng	34.022.531	29.170.139

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Tỷ lệ đầu tư	Ngày 30 tháng 06 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
		Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND
Đầu tư dài hạn khác		10.000	102.000.000	450.000	4.600.000.000
- Cổ phiếu không niêm yết: Công ty Cổ phần Giáo dục Tuệ Đức Bách Khoa	15%	-	-	450.000	4.600.000.000
- Cổ phiếu không niêm yết: Công ty Cổ phần Đầu tư IPAF	0,10%	10.000	102.000.000	-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (i)		-	-	-	(2.304.152.969)
Tổng cộng		10.000	102.000.000	450.000	2.295.847.031

(i) Các khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn:

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 06 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Cổ phiếu không niêm yết: Công ty Cổ phần Giáo dục Tuệ Đức Bách Khoa	-	2.304.152.969
Tổng cộng	-	2.304.152.969

Biến động các khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn như sau:

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 06 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Số đầu kỳ	2.304.152.969	3.693.154.149
Hoàn nhập trong kỳ	(2.304.152.969)	(1.389.001.180)
Số cuối kỳ	-	2.304.152.969

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ký quỹ, ký cược dài hạn	10.000.000	10.000.000
Tổng cộng	10.000.000	10.000.000

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Công ty CP chứng khoán VNDIRECT	85.619.547	69.042.308
Công ty CP Công nghệ IVND	361.100.000	-
Đối tượng khác	46.669.913	1.571.919
Tổng cộng	493.389.460	70.614.227

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đơn vị tính: VND			
	Số dư đầu kỳ	Số phải nộp	Số đã nộp	Số dư cuối kỳ
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.859.547.025	3.032.729.465	(8.859.547.025)	3.032.729.465
Thuế thu nhập cá nhân	191.621.494	268.727.005	(369.080.078)	91.268.421
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Tổng cộng	9.051.168.519	3.304.456.470	(9.231.627.103)	3.123.997.886

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Chi phí kiểm toán	86.400.000	108.000.000
Chi phí phải trả khác	-	38.692.985
Tổng cộng	86.400.000	146.692.985

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Kinh phí Công đoàn	218.652.445	212.712.445
Phải trả tiền tạm ứng cổ tức đã nhận	-	4.275.000.000
Phải trả, phải nộp khác	8.173.554	45.938.117
Tổng cộng	226.825.999	4.533.650.562

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
					Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	100.000.000.000	-	1.916.896.584	5.618.492.047	107.535.388.631
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	36.674.145.211	36.674.145.211
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	(12.000.000.000)	(12.000.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	100.000.000.000	-	1.916.896.584	30.292.637.258	132.209.533.842
Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	100.000.000.000	-	1.916.896.584	30.292.637.258	132.209.533.842
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	13.311.942.966	13.311.942.966
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	100.000.000.000	-	1.916.896.584	43.604.580.224	145.521.476.808

(*) Theo Quyết định số 194/2024/NQ-HĐQT ngày 26 tháng 12 năm 2024 về việc tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. CHỨNG KHOÁN LƯU KÝ CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

	Đơn vị tính: VND			
	Ngày 30 tháng 06 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND
Chứng khoán giao dịch	5.721.079	89.610.794.400	4.858.294	92.592.044.400
Chứng khoán chờ thanh toán	-	-	-	-
Tổng cộng	5.721.079	89.610.794.400	4.858.294	92.592.044.400

19. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Số dư đầu kỳ	849.565	1.398.436
Số tăng trong kỳ	33.090.934.820	38.841.655.204
Số giảm trong kỳ	(33.090.432.959)	(38.842.204.075)
Số dư cuối kỳ	1.351.426	849.565

Trong đó:

	Ngày 30 tháng 06 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Công ty Cổ phần Âm thực Mặt trời vàng		
Số dư đầu kỳ	849.565	869.849
Số tăng trong kỳ	33.090.934.820	38.700.001.716
Số giảm trong kỳ	(33.090.432.959)	(38.700.022.000)
Số dư cuối kỳ	1.351.426	849.565

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Nhà đầu tư ủy thác trong nước	5.322.989.310.813	5.563.142.852.175
- Tiền gửi có kỳ hạn	3.049.697.456.073	4.079.899.115.175
- Cổ phiếu niêm yết	645.249.064.000	578.849.076.000
Trong đó, các mã cổ phiếu bị giảm giá: Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (mã cổ phiếu: PTI)	-	578.849.076.000
- Cổ phiếu chưa niêm yết	300.000.000.000	300.000.000.000
Trong đó, các mã cổ phiếu bị giảm giá:	-	-
- Trái phiếu niêm yết	-	100.975.000.000
Trong đó, các mã trái phiếu bị giảm giá:	-	-
- Trái phiếu chưa niêm yết	1.328.042.790.740	503.419.661.000
Trong đó, các mã trái phiếu bị giảm giá:	-	-
Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	-	-
Tổng cộng	5.322.989.310.813	5.563.142.852.175

21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phải trả phí quản lý danh mục đầu tư	1.009.901.055	27.863.143.669
Phải trả phí lưu ký tại Ngân hàng	44.617.098	60.386.391
Tổng cộng	1.054.518.153	27.923.530.060

22. DOANH THU THUẦN VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024
Doanh thu từ phí quản lý danh mục đầu tư	8.160.754.510	453.933.372
Doanh thu từ phí giao dịch và quản lý quỹ	4.855.212.936	4.397.181.171
Tổng cộng	13.015.967.446	4.851.114.543

23. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024
Chi phí nhân viên	2.259.951.572	4.449.308.234
Chi phí hoạt động kinh doanh khác	1.130.735.018	1.375.770.531
Tổng cộng	3.390.686.590	5.825.078.765

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024
Lãi kinh doanh chứng khoán	4.322.556.634	17.194.406.310
Cổ tức được nhận	85.000.000	69.350.000
Lãi trái phiếu	1.937.364.018	2.852.381.333
Lãi tiền gửi ngân hàng	271.493.364	258.874.230
Tổng cộng	6.616.414.016	20.375.011.873

25. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024
Lỗ kinh doanh chứng khoán	372.072	106.165.403
Trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn	375.440.828	1.237.610.000
(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	(2.304.152.969)	-
Phí giao dịch chứng khoán, phí lưu ký	38.220.240	120.883.389
Chi phí tài chính khác	14.205.160	-
Tổng cộng	(1.875.914.669)	1.464.658.792

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024
Chi phí nhân viên	299.519.240	1.642.771.740
Chi phí thuê văn phòng	570.000.000	570.000.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	5.914.632	5.420.580
Thuế, phí và lệ phí	5.443.000	4.037.037
Chi phí phân bổ CCDC, phần mềm	6.225.000	6.225.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	286.828.962	306.673.365
Tổng cộng	1.173.930.834	2.535.127.722

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty là 20%.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024
Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	16.683.678.707	15.401.261.137
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận theo kế toán	(1.520.031.381)	483.200.738
Các khoản điều chỉnh tăng	869.121.588	538.050.738
- Chênh lệch dự thu lãi trái phiếu	609.121.588	538.050.738
- Chi phí không được khấu trừ thuế	260.000.000	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(2.389.152.969)	(54.850.000)
- Doanh thu không chịu thuế - Cổ tức	(85.000.000)	(54.850.000)
- Hoàn nhập dự phòng đầu tư (chi phí dự phòng đã được loại khỏi chi phí được khấu trừ năm 2024)	(2.304.152.969)	-
Thu nhập chịu thuế ước tính kỳ hiện hành	15.163.647.326	15.884.461.875
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.032.729.465	3.176.892.375
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	8.859.547.025	165.753.704
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(8.859.547.025)	(165.753.704)
Thuế TNDN còn phải nộp cuối kỳ	3.032.729.465	3.176.892.375

27.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc giai đoạn tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm báo cáo và kỳ trước như sau:

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024
Tài sản thuế TNDN hoãn lại		
Số dư đầu kỳ	460.830.594	-
Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước	(460.830.594)	-
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	-	-
Thuế TNDN hoãn lại phải trả		
Số dư đầu kỳ	418.748.975	507.108.279
Các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	(121.824.318)	(107.610.148)
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	296.924.657	399.498.131

Công ty đã ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại vào báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 và ngày 30 tháng 06 năm 2024 như sau:

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá lại tài sản tài chính	(121.824.318)	-
Hoàn nhập chi phí thuế TNDN hoãn lại phải trả	-	(107.610.148)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước	460.830.594	-
Chi phí thuế/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	339.006.276	(107.610.148)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro phát sinh từ hoạt động kinh doanh là một phần quan trọng trong công tác quản trị của Công ty. Công ty có hệ thống kiểm soát mức cân đối có thể chấp nhận được giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc theo dõi liên tục quy trình quản lý rủi ro của Công ty nhằm đảm bảo mức cân đối phù hợp giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất các chính sách quản lý những rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh như tổng hợp dưới đây.

28.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn và đầu tư chứng khoán sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và ngày 30 tháng 06 năm 2024.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng:

- ▶ độ nhạy của bảng cân đối kế toán liên quan đến các công cụ nợ sẵn sàng để bán;
- ▶ độ nhạy của các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản phải thu khác, các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản nợ phải trả tài chính. Những khoản đầu tư này phần lớn là ngắn hạn và không được nắm giữ với mục đích đầu cơ.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Phân tích về mức độ nhạy cảm với lãi suất không được thực hiện cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 do mức độ rủi ro lãi suất của Công ty rất nhỏ.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Chứng khoán vốn niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ chịu ảnh hưởng của rủi ro giá thị trường phát sinh do tình trạng không chắc chắn về giá trị trong tương lai của các khoản đầu tư chứng khoán. Tại ngày lập báo cáo này, giá trị hợp lý của chứng khoán vốn niêm yết mà Công ty đang nắm giữ là 2.245.837.500 đồng. Sự tăng (hoặc giảm) 20% của chỉ số chứng khoán niêm yết có thể làm tăng (hoặc giảm) một tỷ lệ tương ứng trên doanh thu từ hoạt động đầu tư của Công ty, tùy thuộc vào mức độ trọng yếu và kéo dài của sự suy giảm, và tùy thuộc vào trạng thái nắm giữ của danh mục đối với những cổ phiếu có ảnh hưởng đáng kể tới chỉ số của thị trường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

28.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Tại ngày báo cáo, các khoản phải thu khách hàng của Công ty thuộc một số lượng lớn khách hàng đa dạng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán và bộ phận Phân tích và Đầu tư chứng khoán theo chính sách của Công ty.

Đơn vị tính: VND

	Chưa quá hạn và chưa bị giảm giá	Đã quá hạn và chưa bị giảm giá	Đã quá hạn và đã trích lập dự phòng	Tổng cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.926.487.852	-	-	38.926.487.852
Các khoản đầu tư ngắn hạn	80.005.159.788	-	25.037.500.000	105.042.659.788
Các khoản phải thu ngắn hạn	8.185.954.389	-	20.000.000	8.205.954.389
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	34.022.531	-	-	34.022.531
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	102.000.000	-	-	102.000.000
Chi phí trả trước dài hạn	3.725.250	-	-	3.725.250
Tài sản dài hạn khác	10.000.000	-	-	10.000.000
Tổng cộng	127.267.349.810	-	25.057.500.000	152.324.849.810

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

28.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản và nợ phải trả có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời gian đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Quá hạn	Không kỳ hạn	Đến 3 tháng	Từ 3 - 12 tháng	Đơn vị tính: VND
Tài sản					Tổng cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	38.926.487.852	-	-	38.926.487.852
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	102.466.824.788	102.466.824.788
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	-	-	-	-	-
Phải thu nghiệp vụ khác	-	1.922.741.126	-	-	1.922.741.126
Các khoản phải thu khác	20.000.000	1.228.438.357	419.774.906	-	1.668.213.263
Tài sản ngắn hạn khác	-	-	-	34.022.531	34.022.531
Tài sản dài hạn khác	-	3.725.250	-	10.000.000	13.725.250
Tổng tài sản	20.000.000	42.081.392.585	419.774.906	102.510.847.319	145.032.014.810
Nợ phải trả					
Phải trả người bán	-	493.389.460	-	-	493.389.460
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	3.123.997.886	-	-	3.123.997.886
Chi phí phải trả	-	-	86.400.000	-	86.400.000
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	-	226.825.999	-	-	226.825.999
Tổng nợ phải trả	-	3.844.213.345	86.400.000	-	3.930.613.345
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	20.000.000	38.237.179.240	333.374.906	102.510.847.319	141.101.401.465

28.4 Tài sản đảm bảo

Công ty không phát sinh bất kỳ khoản vay và nợ ngắn hạn và không sử dụng bất kỳ tài sản nào của Công ty nhằm đảm bảo cho bất kỳ khoản vay và nợ ngắn hạn của một bên khác vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A

B09g-CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 06 năm 2025	Đơn vị tính: VND Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Công ty đồng thời là chủ tịch HĐQT bên liên quan	Tiền gửi giao dịch chứng khoán	37.097.267.049	10.192.626.096
		Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư	902.998.252	48.233.404
		Phải trả phí giao dịch phát hành/ mua lại CCQ cho đại lý phân phối	85.619.547	69.042.308
		Danh mục đầu tư ủy thác	578.849.064.000	578.849.076.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	Công ty mẹ	Vốn góp	100.000.000.000	100.000.000.000
		Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư	-	27.762.000.000
		Danh mục đầu tư ủy thác	4.444.140.246.813	4.684.293.776.175
Quỹ Đầu tư Chủ động VND	Quỹ được quản lý	Phải thu phí quản lý Quỹ mở	298.320.405	327.680.984
		Thù lao ban đại diện quỹ IPAAM trả hộ, thuế bán chứng khoán của nhà đầu tư	27.453.917	61.614.713
		Phí phát hành/mua lại CCQ	73.517.120	42.853.905
		Phải thu phí quản lý Quỹ mở	324.240.307	301.714.898
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND	Quỹ được quản lý	Thù lao ban đại diện quỹ IPAAM trả hộ, thuế bán chứng khoán của nhà đầu tư	58.063.948	64.516.955
		Phí phát hành/mua lại CCQ	14.798.452	12.236.034
		Phải thu phí quản lý Quỹ mở	92.409.242	88.477.286
		Thù lao, thuế Ban đại diện Quỹ IPAAM trả hộ	33.783.566	36.171.974
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt VND	Quỹ được quản lý	Số lượng Chứng chỉ quỹ nắm giữ	3.861.079,44	3.861.079,44
		Phải thu phí quản lý Quỹ mở	75.887.351	76.099.375
		Thù lao ban đại diện quỹ IPAAM trả hộ	25.688.544	20.200.000
		Phải thu phí quản lý Quỹ mở	33.667.194	56.444.128
Quỹ Đầu tư thành viên IPA	Quỹ được quản lý	Thù lao ban đại diện quỹ IPAAM trả hộ	18.600.000	-

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A

B09g-CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong giai đoạn tài chính bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Đơn vị tính: VND				
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	Chủ tịch Công ty đồng thời là Chủ tịch HĐQT bên liên quan	Phí quản lý danh mục đầu tư Lãi tài khoản giao dịch chứng khoán Phí giao dịch và phí lưu ký Phí đại lý bổ sung, phí giao dịch quỹ mở Giao dịch mua chứng khoán Thuế văn phòng	2.318.598.572 10.693.377 38.220.240 453.311.852 36.005.160.000 570.000.000	276.112.562 6.558.901 120.883.389 658.606.879 - 570.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	Công ty mẹ			
Quỹ Đầu tư Chủ động VND	Quỹ được quản lý	Phí quản lý quỹ mở Phí giao dịch quỹ mở Thù lao ban đại diện quỹ IPAAM trả hộ, thuế bán chứng khoán của nhà đầu tư Phí phát hành/mua lại CCQ trả hộ cho đại lý phân phối	1.830.089.197 224.994.918 170.911.403 77.306.586	1.896.498.988 245.251.110 217.850.977 112.033.782
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND	Quỹ được quản lý	Phí quản lý quỹ mở Phí giao dịch quỹ mở Thù lao ban đại diện quỹ IPAAM trả hộ, thuế bán chứng khoán của nhà đầu tư Phí phát hành/mua lại CCQ trả hộ cho đại lý phân phối	1.860.311.498 105.135.196 200.463.014 11.936.701	1.298.497.043 60.118.069 165.813.042 4.396.678
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt VND	Quỹ được quản lý	Phí quản lý quỹ mở Thù lao, thuế Ban đại diện Quỹ IPAAM trả hộ	487.793.536 154.219.400	546.405.915 192.630.954
Quỹ ETF IPAAM VN100	Quỹ được quản lý	Phí quản lý quỹ mở Thù lao ban đại diện quỹ IPAAM trả hộ, thuế bán chứng khoán của nhà đầu tư	151.255.762 96.888.544	153.339.432 79.100.000
Quỹ Đầu tư thành viên IPA	Quỹ được quản lý	Phí quản lý Quỹ mở	106.389.542	80.640.154

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A

B09g-CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Công ty đồng thời là chủ tịch HĐQT bên liên quan	Phí quản lý danh mục đầu tư	5.738.049.373	-
Công ty Cổ phần giải pháp công nghệ IPA	Có cùng công ty mẹ kiểm soát	Phí cấp quyền sử dụng phần mềm	361.100.000	361.100.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của Ban Điều hành:

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác	-	1.086.864.839
Tổng cộng	-	1.086.864.839

30. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30 tháng 06 năm 2025, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Đến 1 năm	1.140.000.000	1.140.000.000
Từ 1 đến 5 năm	-	-
Tổng cộng	1.140.000.000	1.140.000.000

Các khoản tiền thuê cam kết ước tính tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 được xác định trên cơ sở giá thuê trên hợp đồng còn hiệu lực vào ngày 30 tháng 06 năm 2025.

31. HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ VÀ QUẢN LÝ DANH MỤC ĐẦU TƯ

	Giá trị
Hoạt động quản lý quỹ	
Tổng số quỹ hoạt động quản lý	5
Tổng số vốn của các quỹ đang thực hiện quản lý	593.521.830.400
Số lượng quỹ lập trong kỳ	-
Số lượng quỹ đóng trong kỳ	-
Phí quản lý quỹ trong kỳ (1)	4.435.839.535
Phí phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ mở (2)	419.373.401
Hoạt động quản lý danh mục đầu tư	
Tổng số hợp đồng còn hiệu lực đầu kỳ	3
Số hợp đồng ký trong kỳ	1
Số hợp đồng thanh lý trong kỳ	-
Tổng số hợp đồng đã ký còn hiệu lực thực hiện	4
Phí quản lý danh mục đầu tư và phí thưởng (3)	8.160.754.510
Tổng phí quản lý thu được từ hoạt động quản lý (1)+(2)+(3)	13.015.967.446

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT THỰC TRẠNG TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ngày 30 tháng 06 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bố trí cơ cấu tài sản			
Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	0,08%	1,90%
Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	99,92%	98,10%
Khả năng thanh toán			
Tỷ lệ nợ phải trả trên tổng tài sản (Nợ phải trả/ Tổng tài sản)	%	2,82%	9,71%
Khả năng thanh toán hiện hành (Tài sản lưu động/ Nợ ngắn hạn)	Lần	38,07	10,41
Khả năng thanh toán nhanh (Tài sản lưu động - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	Lần	38,07	10,41
Khả năng thanh toán bằng tiền (Tiền và các khoản tương đương tiền/ Nợ ngắn hạn)	Lần	9,90	1,12
	Đơn vị tính	Cho kỳ sáu tháng năm 2025	Cho kỳ sáu tháng năm 2024
Tỷ suất lợi nhuận			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu	%	102,27%	254,21%
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn (Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản)	%	8,89%	9,53%
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu)	%	9,15%	10,29%

33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

Người lập biểu



Bà Nguyễn Thị Thúy Lan
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt



Bà Phạm Minh Hương
Chủ tịch
kiêm Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 08 năm 2025

EY | Building a better working world

EY is building a better working world by creating new value for clients, people, society and the planet, while building trust in capital markets.

Enabled by data, AI and advanced technology, EY teams help clients shape the future with confidence and develop answers for the most pressing issues of today and tomorrow.

EY teams work across a full spectrum of services in assurance, consulting, tax, strategy and transactions. Fueled by sector insights, a globally connected, multi-disciplinary network and diverse ecosystem partners, EY teams can provide services in more than 150 countries and territories.

All in to shape the future with confidence.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2025 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn